

T, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Số: 03/2025/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 305/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1974 và bà Lê Thị N1, sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

* Bị đơn: Phạm Thanh B, sinh năm 1970; Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Phạm Quốc H, sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Quốc H cùng có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị N và bà Lê Thị N1 số tiền 47.000.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu đồng*), không tính lãi suất về khoản tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Về thời gian và phương thức trả nợ cụ thể như sau: Từ ngày 07/01/2025 đến ngày 07/04/2025, ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Quốc H phải trả dứt điểm số tiền 47.000.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 07/4/2025 cho đến khi trả nợ xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Quốc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thoả thuận: Nguyên đơn Lê Thị N, bà Lê Thị N1 và bị đơn ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Quốc H mỗi bên tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ số tiền 1.175.000 đồng (*một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm cụ thể: bà N và bà N1 tự nguyện chịu 587.500 đồng (*năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*); bị đơn ông B, bà T, ông H tự nguyện chịu 587.500 đồng (*năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Lê Thị N1 được khấu trừ số tiền 587.500 đồng (*năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân

sự sơ thẩm vào số tiền 1.550.000 đồng (*một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005696 ngày 16/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên được hoàn lại cho bà N, bà N1 số tiền 962.500 đồng (*chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân S